

Số/No: 043/26/CBTT-MSVN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2026
Ho Chi Minh city, 30 July 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi :

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam.

To :

- State Securities Commission of Vietnam;
- Vietnam Exchange.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

Name of organization : MAYBANK SECURITIES LIMITED

Mã thành viên/Broker : 079

Code

Địa chỉ/Address : VP-10-01, Tầng 10, Toà nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn,
Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
VP-10-01, Floor 10, Pearl 5 Tower, 5 Le Quy Don, Xuan Hoa
Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Điện thoại/ Tel. : 028. 44 555 888 (Ext: 8000)

Fax : 028. 38 271 030

Email : info.MSVN@maybank.com

Loại thông tin công bố/ Category of published information:

☐ 24h

☐ 72h

☐ Yêu cầu

☐ Bất thường

☒ Định kỳ

1. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

- Báo cáo Tình hình Quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2026.

Corporate Governance Report for the First Half of 2026.

(Vui lòng tham khảo toàn văn tài liệu công bố trong văn bản đính kèm /Please refer to the attached file for full text of the disclosed document)

2. Thông tin này đã được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 30/07/2026 tại đường dẫn: <https://www.maybank-kimeng.com.vn/securities/disclosure/vi>

This information was published on the company's website on 30 July 2026, as in the link: <https://www.maybank-kimeng.com.vn/securities/disclosure/en>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/*Attached documents:*

- Báo cáo Tình hình Quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2026
Corporate Governance Report for the First Half of 2026

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người được ủy quyền công bố thông tin

Person authorized to disclose information



NGUYỄN VÕ VĂN HÀ

Giám đốc Tài chính

Chief Financial Officer

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CHỨNG KHOÁN MAYBANK
MAYBANK SECURITIES LIMITED

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số: 02/2026/BCQT
No: 02/2026/BCQT

TP.HCM, ngày 29 tháng 07 năm 2026
HCMC, 29 July 2026

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

(6 tháng đầu năm 2026)
(First 6 months of fiscal year 2026)

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

To: - The State Securities Commission;
- The Vietnam Exchange.

- Tên công ty/Name of company: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank/Maybank Securities Limited

- Địa chỉ trụ sở chính: VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/Address of Head Office: VP-10-01, Floor 10, Pearl 5 Tower, 5 Le Quy Don, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City.

- Điện thoại/Telephone: +84 28 44 555 888 Fax: +84 28 3827 1030 Email: info.MSVN@maybank.com

- Vốn điều lệ/Charter capital: 3.496.600.000.000 đồng

- Mã chứng khoán/Stock symbol: không có/none

- Mô hình quản trị công ty/Governance model: Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc/Owner, Board of Members and Board of Management.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ/The implementation of Internal Audit function: Đã thực hiện/Implemented.

I. Hội đồng thành viên (Báo cáo 6 tháng)/Board of Members (Semi-annual report):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng thành viên (HĐTV)/Information about the members of the Board of Members:

Stt No.	Thành viên HĐTV/ Members of the Board of Members	Chức vụ/ Position (thành viên HĐTV/ members of the Board of Members)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐTV The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Members	
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm Date of resignation
1.	Ông/Mr. Philip Tan Puay Koon	Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chairman of the Board of Members	Tái bổ nhiệm ngày 01/01/2026/Re-appointed on 01 January 2026	
2.	Ông/Mr. Tengku Ariff Azhar Bin Tengku Mohamed	Thành viên Hội đồng thành viên/Member of the Board of Members	Tái bổ nhiệm ngày 01/01/2026/Re-appointed on 01 January 2026	
3.	Ông/Mr. Lok Eng Hong	Thành viên Hội đồng thành viên/Member of the Board of Members	Tái bổ nhiệm ngày 01/01/2026/Re-appointed on 01 January 2026	
4.	Ông/Mr. Nguyễn Thế Thọ	Thành viên độc lập Hội đồng thành viên/Independent Member of the Board of Members	Tái bổ nhiệm ngày 01/01/2026/Re-appointed on 01 January 2026	
5.	Ông/Mr. Nguyễn Chí Dũng	Thành viên độc lập Hội đồng thành viên/Independent Member of the Board of Members	Bổ nhiệm ngày 12/01/2026/Appointed on 12 January 2026	

2. Các cuộc họp HĐTV/Meetings of the Board of Members:

Stt No.	Thành viên HĐTV/ Member of the Board of Members	Số buổi họp HĐTV tham dự/ Number of meetings attended by Board of Members	Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
1.	Ông/Mr. Philip Tan Puay Koon	12/12	100%	
2.	Ông/Mr. Tengku Ariff Azhar Bin Tengku Mohamed	12/12	100%	
3.	Ông/Mr. Lok Eng Hong	12/12	100%	
4.	Ông/Mr. Nguyễn Thế Thọ	12/12	100%	
5.	Ông/Mr. Nguyễn Chí Dũng	12/12	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc/*Supervising the Board of Management by the Board of Members:*

- Xem xét báo cáo tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý rủi ro, kiểm soát tuân thủ và yêu cầu giải trình khi cần thiết/*Reviewing financial statements, business results, risk management, compliance and requiring explanation from the Board of Management when needed*
- Phê duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền theo luật định/*Giving approval on matters within authority as per law.*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng thành viên (nếu có)/*Activities of the Board of Members' subcommittees (If any): không có/none*

5. Các Quyết định của Hội đồng thành viên (Báo cáo 6 tháng đầu năm)/*Decisions of the Board of Members (First 6 months report):*

Stt No.	Số Quyết định/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
1.	1202/26/QĐ-HĐTV	12/02/2026	Thông qua việc tái cấp hạn mức vay vốn tại Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ("MSB") với các nội dung cơ bản như sau/<i>THAT the renewal of the credit facilities from Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank (hereinafter referred to as "MSB") be approved as follows:</i> a. Tổng số tiền vay đồng Việt Nam: 500.000.000.000 đồng (<i>bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng</i>), trong đó/ <i>Credit facility limit in Vietnam Dong: VND500,000,000,000 (in words: Five hundred billion dong), in details:</i> i. Hạn mức không có tài sản đảm bảo: 400.000.000.000 đồng (<i>bằng chữ: Bốn trăm tỷ đồng</i>)/<i>Unsecured: VND400,000,000,000 (in words: Four hundred billion dong).</i> ii. Hạn mức có tài sản đảm bảo: 100.000.000.000 đồng (<i>bằng chữ: Một trăm tỷ đồng</i>)/<i>Secured: VND100,000,000,000 (in words: One hundred billion dong).</i> b. Mục đích vay: Tài trợ vốn đầu tư kinh doanh trái phiếu chính phủ/trái phiếu chính phủ bảo lãnh và hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ/<i>Purpose: To assist in the financing for working capital specified in providing margin loan product to customers and investing in Government bonds.</i> c. Thời hạn cho mỗi khoản vay: tối đa 3 tháng/<i>Tenor of loan: Maximum 03 months.</i> d. Thời hạn duy trì hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến 16/10/2026/<i>Facility period: from the signing date to 16/10/2026.</i> e. Biện pháp bảo đảm/<i>Collateral:</i> i. Hợp đồng tiền gửi/chứng chỉ tiền gửi thuộc sở hữu của khách hàng được phát hành bởi	100%

Stt No.	Số Quyết định/ <i>Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			MSB và/hoặc các ngân hàng khác hợp lệ theo quy định nhận tài sản bảo đảm của MSB/<i>Deposit contracts/certificates of deposit owned by the customer issued by MSB and/or other valid banks as per MSB's collateral regulations.</i> ii. Trái phiếu tổ chức tín dụng thuộc sở hữu của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank do MSB và/hoặc 04 Ngân hàng TMCP quốc doanh (Vietinbank, Vietcombank, BIDV, Agribank) phát hành nhưng không bao gồm trái phiếu tăng vốn cấp 2/<i>Bonds issued by credit institutions owned by Maybank Securities Limited, issued by MSB and/or 04 State-owned commercial banks (Vietinbank, Vietcombank, BIDV, Agribank), excluding subordinated bonds level 2.</i> Ủy quyền cho Ông Kim Thiên Quang - Tổng Giám đốc và/hoặc Bà Nguyễn Võ Văn Hà - Giám đốc Tài chính đại diện Công ty tổ chức, phê duyệt và thực hiện các thủ tục để ký kết các văn bản có liên quan bao gồm hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, cam kết trả nợ, hợp đồng thế chấp/cầm cố và các giấy tờ có liên quan khác với MSB phù hợp với các nội dung đã được Hội đồng thành viên thông qua nêu trên và phù hợp với quy định của pháp luật/<i>THAT Mr. Kim Thien Quang, Chief Executive Officer and/or Ms. Nguyen Vo Van Ha, Chief Financial Officer be authorized to implement and sign, on behalf of the Company all the relevant documents including the credit agreement, loan acknowledgement, payment commitment, mortgage/pledge agreement, and other relevant documents deemed necessary and appropriate with MSB, in line with the aforesaid decision and pursuant to the prevailing laws and regulations.</i>	
2.	2302/26/QĐ-HĐTV	23/02/2026	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty tiến hành ký báo cáo và chỉ đạo các phòng ban có liên quan thực hiện các thủ tục cần thiết theo yêu cầu của các quy định pháp luật hiện hành/<i>THAT the Audited Financial Statements for the fiscal year ended 2025 be approved. The Chief Executive Officer be authorized to sign off on the Audited Financial Statements and direct relevant Departments to perform all necessary procedures pursuant to the prevailing laws and regulations.</i>	100%
3.	1103/26/QĐ-HĐTV	11/03/2026	Thông qua Ngân sách và Kế hoạch Kinh doanh năm 2026 của Công ty. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty tiến hành chỉ đạo tất cả các phòng ban, chi nhánh thực hiện những hoạt động cần thiết để đạt	100%

Stt No.	Số Quyết định/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			được các mục tiêu kinh doanh năm 2026/ <i>THAT the Budget and Business Plan of the year 2026 be approved. THAT the Chief Executive Officer be authorized to direct all Departments and Branches to perform all necessary activities to achieve the business goals of the fiscal year 2026.</i>	
4.	2204/26/QĐ-HĐTV	22/04/2026	Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty với thông tin cụ thể như sau/<i>THAT the change of the Company's Head Office address be approved as below:</i> - Địa chỉ trụ sở chính hiện tại của Công ty: VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, số 05 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh/<i>Current address of the Company's Head Office: VP-10-01, Floor 10, Pearl 5 Tower, No. 05 Le Quy Don, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City.</i> - Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi của Công ty: Tầng 3, 5, 8, số 171 Hai Bà Trưng, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh/<i>New address of the Company's Head Office: Floor 3, 5, 8, No. 171 Hai Ba Trung, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City.</i> Ủy quyền cho Ông Kim Thiên Quang, Tổng Giám đốc Công ty được quyền thực hiện các công việc sau đây/<i>THAT Mr. Kim Thien Quang, the Company's Chief Executive Officer be authorized to:</i> - Tổ chức, chỉ đạo và thực hiện các công việc cần thiết nhằm triển khai việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty theo nội dung được phê duyệt tại Quyết định này/<i>Organize, direct, and implement necessary tasks to execute the change of the Company's Head Office address as approved in this Decision.</i> - Ký kết hợp đồng thuê văn phòng, hợp đồng, thỏa thuận, văn bản khác có liên quan đến địa chỉ trụ sở chính của Công ty, bao gồm cả việc ký kết các sửa đổi, bổ sung, phụ lục của các hợp đồng, thỏa thuận này/<i>Sign the office lease contract and related contracts, agreements, documents, including any amendments, supplements, or appendices thereto, pertaining to the Company's Head Office address.</i> - Thực hiện tất cả các thủ tục, ký kết tất cả các chứng từ, văn bản, hồ sơ nhằm đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác, bao gồm cả việc điều chỉnh, bổ sung các chứng từ, văn bản, hồ sơ đã nộp/<i>Execute</i>	100%

Stt No.	Số Quyết định/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			<i>all procedures; sign all documents, papers and application dossiers, including the amendment and supplementation of any submitted documents, papers, dossiers for the purposes of registering the change of the Company's Head Office address and amending the Company's License on Establishment and Operation with the State Securities Commission and other competent authorities.</i> Ông Kim Thiên Quang được quyền ủy quyền lại cho nhân viên, người lao động của Công ty thực hiện các công việc nêu trên nhằm hoàn tất việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty/<i>Mr. Kim Thien Quang is entitled to sub-authorize the Company's staff to perform the aforementioned tasks to complete the change of the Company's Head Office address.</i> Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty đề ghi nhận địa chỉ trụ sở chính mới của Công ty sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận/<i>THAT the amendment to the Company's Charter to update the new address of the Company's Head Office following the approval of the State Securities Commission be approved.</i>	
5.	0505/26/QĐ-HĐTV	05/05/2026	Thông qua việc không tiếp tục triển khai đăng ký chào bán, hủy bỏ phương án chào bán và việc niêm yết chứng quyền có bảo đảm đối với hai (02) chứng quyền có bảo đảm đã được phê duyệt tại Quyết định số 1812-3/25/QĐ-HĐTV của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank, bao gồm Chứng quyền MBB/MSVN/7M/0126 và Chứng quyền MBB/MSVN/10M/0226/<i>THAT the discontinuation of the offering registration, the cancellation of the offering plan and the listing in respect of the following two (02) covered warrants as previously approved under the Decision No. 1812-3/25/QĐ-HĐTV of Maybank Securities Limited, including: Warrant MBB/MSVN/7M/0126 and Warrant MBB/MSVN/10M/0226.</i> Việc không tiếp tục triển khai đăng ký chào bán, hủy bỏ phương án chào bán và niêm yết chứng quyền có bảo đảm đối với hai (02) chứng quyền nêu tại Điều 1 của Quyết định này không ảnh hưởng đến việc chào bán và niêm yết các chứng quyền còn lại đã được phê duyệt theo Quyết định số 1812-3/25/QĐ-HĐTV và được điều chỉnh theo Quyết định số 004/26/QĐ-MSVN. Các chứng quyền còn lại tiếp tục được triển khai chào bán và niêm yết theo các nội dung đã được phê duyệt, với thông tin chi tiết được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này/<i>THAT the discontinuation of the offering registration, the cancellation of the offering plan and the listing of the two (02) covered warrants</i>	100%

Stt No.	Số Quyết định/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			<i>specified in Article 1 of this Decision shall not affect the offering and listing of the remaining covered warrants as approved under the Decision No.1812-3/25/QĐ-HĐTV and as amended by the Decision No. 004/26/QĐ-MSVN. The remaining covered warrants shall continue to be offered and listed in accordance with the approved contents, with detailed information set out in Appendix I attached to this Decision.</i> <i>Thông qua việc không thực hiện đăng ký lưu ký và đăng ký niêm yết đối với hai (02) chứng quyền nêu trên/THAT the non-implementation of depository registration and listing registration with respect to the two above (02) covered warrants.</i> <i>Ngoài các nội dung được điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định này, toàn bộ các nội dung khác của Quyết định số 1812-3/25/QĐ-HĐTV tiếp tục có hiệu lực thi hành đầy đủ và không thay đổi/THAT except for the amendments and supplements set out in this Decision, all other contents of the Decision No. 1812-3/25/QĐ-HĐTV shall remain in full force and effect without any change.</i> <i>Giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty toàn quyền quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết nhằm triển khai các nội dung được thông qua tại Quyết định này, bao gồm việc không tiếp tục triển khai đăng ký chào bán và hủy bỏ phương án chào bán cũng như việc không thực hiện đăng ký lưu ký và đăng ký niêm yết đối với các chứng quyền nêu trên/THAT the delegation and authorization are given to the Chief Executive Officer - the legal representative of the Company – to have full authority to decide upon and to carry out all necessary tasks and procedures to implement the matters approved under this Decision, including the discontinuation of the offering registration and the cancellation of the offering plan, as well as the non-implementation of depository registration and listing registration in respect of the covered warrants specified above.</i> <i>Tổng Giám đốc được quyền phân công, ủy quyền lại cho các cá nhân, bộ phận có liên quan để thực hiện các công việc nêu trên/The Chief Executive Officer is authorized to delegate and re-authorize relevant individuals and departments to perform the aforementioned tasks.</i>	
6.	1505/26/QĐ-HĐTV	15/05/2026	Thông qua việc miễn nhiệm Bà Nguyễn Ninh Phương Thảo khỏi chức vụ Giám đốc, Phòng Kiểm soát nội bộ của Công ty. Tổng Giám đốc Công ty và	100%

Stt No.	Số Quyết định/ <i>Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để thi hành quyết định trên theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam/ <i>THAT the resignation of Ms. Nguyen Ninh Phuong Thao from the position of Head of Compliance be accepted. The Company's Chief Executive Officer and relevant Departments are responsible for executing relevant procedures which are deemed necessary and appropriate to give full effect to the above decision pursuant to the prevailing laws and regulations.</i>	
7.	2206-1/26/QĐ-HĐTV	22/06/2026	Thông qua việc tái chỉ định Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là tổ chức kiểm toán độc lập báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính kết thúc năm 2026 của Công ty. Tổng Giám đốc Công ty và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để thi hành quyết định trên theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam/ <i>THAT the re-appointment of Ernst & Young Vietnam Limited as the Company's Independent Auditors on the financial statements for the first half and the fiscal year 2026 be approved. The Company's Chief Executive Officer and relevant Departments are responsible for executing relevant procedures which are deemed necessary and appropriate to give full effect to the above decision pursuant to the prevailing laws and regulations.</i>	100%
8.	2206-2/26/QĐ-HĐTV	22/06/2026	Thông qua số lợi nhuận năm 2025 chuyển về Công ty mẹ (Maybank IBG Holdings Limited) là 179.066.233.903 đ (bằng chữ: một trăm bảy mươi chín tỷ, không trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, chín trăm lẻ ba đồng)/ <i>THAT the dividend payment of VND179,066,233,903 (in words: one hundred seventy-nine billion, sixty-six million, two hundred thirty-three thousand, nine hundred and three Vietnam Dong) for the fiscal year 2025 to the parent company (Maybank IBG Holdings Limited) be approved.</i> Ủy quyền cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện việc chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ/ <i>THAT Maybank Securities Limited be authorized to execute necessary procedures with regard to the above dividend payment to the parent company.</i>	100%
9.	2206-3/26/QĐ-HĐTV	22/06/2026	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ("BIDV") với các nội dung cơ bản như sau/ <i>THAT the credit facility offered by Bank for Investment and Development of Vietnam JSC – Nam Kỳ Khởi Nghĩa Branch (hereinafter referred to as "BIDV") be approved as follows:</i>	100%

Stt No.	Số Quyết định/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			a. Tổng số tiền vay đồng Việt Nam: 500.000.000.000 đồng (bằng chữ: năm trăm tỷ đồng)/Credit facility limit in Vietnam Dong: VND500,000,000,000 (in words: five hundred billion dong). b. Mục đích vay: Tài trợ vốn đầu tư kinh doanh Trái phiếu chính phủ/Trái phiếu chính phủ bảo lãnh, cổ phiếu, các loại chứng khoán có thể chuyển đổi thành cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp và bổ sung vốn lưu động phục vụ các hoạt động được cấp phép/Purpose: To assist in the financing for investment in Government Bonds/Bonds guaranteed by Government, stocks, convertible securities, corporate bonds and finance working capital for licensed operation of MSVN. c. Thời hạn cho mỗi khoản vay: tối đa 6 tháng/Term of loan: Up to 6 months. d. Thời hạn duy trì hạn mức: tối đa 12 tháng/Facility period: Up to 12 months. e. Biện pháp bảo đảm: 100% tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi do BIDV phát hành/Collateral: The Facility will be secured with 100% CASA/CD at BIDV. Ủy quyền cho Ông Kim Thiên Quang - Tổng Giám đốc và/hoặc Bà Nguyễn Võ Văn Hà - Giám đốc Tài chính đại diện Công ty phê duyệt và thực hiện các thủ tục để ký kết các văn bản có liên quan bao gồm hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, cam kết trả nợ, hợp đồng thế chấp/cầm cố và các giấy tờ có liên quan khác với BIDV phù hợp với các nội dung đã được Hội đồng thành viên thông qua nêu trên và phù hợp với quy định của pháp luật/THAT Mr. Kim Thien Quang, Chief Executive Officer and/or Ms. Nguyen Vo Van Ha, Chief Financial Officer be authorized to implement and sign, on behalf of the Company all the relevant documents including credit agreement, loan acknowledgement, payment commitment, mortgage/pledge agreement, and other relevant documents deemed necessary and appropriate with BIDV, in line with the aforesaid decisions and pursuant to the prevailing laws and regulations.	
10.	2206-4/26/QĐ-HĐTV	22/06/2026	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Định (“Vietcombank”) với các nội dung cơ bản như sau/ THAT the credit facility offered by Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Tan Dinh Branch (hereinafter referred to as “Vietcombank”) be approved as follows:	100%

Stt No.	Số Quyết định/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			a. Tổng số tiền vay đồng Việt Nam: 700.000.000.000 đồng (bằng chữ: bảy trăm tỷ đồng)/Credit facility limit in Vietnam Dong: VND700,000,000,000 (in words: seven hundred billion dong). b. Mục đích vay: Tài trợ vốn đầu tư kinh doanh Trái phiếu chính phủ, Trái phiếu chính phủ bảo lãnh và cổ phiếu/Purpose: To assist in the financing for investment in Government Bonds, Bonds guaranteed by Government and stocks. c. Thời hạn duy trì hạn mức: tối đa 12 tháng/Facility period: Up to 12 months. d. Biện pháp bảo đảm: Thư tín dụng dự phòng vô điều kiện và không hủy ngang do bên bảo lãnh là Malayan Banking Berhad – Maybank International Labuan Branch phát hành/Collateral: The Facility will be fully secured by irrevocable and unconditional Standby Letter of Credit from the Guarantor – Malayan Banking Berhad – Maybank International Labuan Branch. Ủy quyền cho Ông Kim Thiên Quang - Tổng Giám đốc và/hoặc Bà Nguyễn Võ Văn Hà - Giám đốc Tài chính đại diện Công ty phê duyệt và thực hiện các thủ tục để ký kết các văn bản có liên quan bao gồm hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, cam kết trả nợ, hợp đồng thế chấp/cầm cố và các giấy tờ có liên quan khác với Vietcombank phù hợp với các nội dung đã được Hội đồng thành viên thông qua nêu trên và phù hợp với quy định của pháp luật/THAT Mr. Kim Thien Quang, Chief Executive Officer and/or Ms. Nguyen Vo Van Ha, Chief Financial Officer be authorized to implement and sign, on behalf of the Company all the relevant documents including the credit agreement, loan acknowledgement, payment commitment, mortgage/pledge agreement, and other relevant documents deemed necessary and appropriate with Vietcombank, in line with the aforesaid decision and pursuant to the prevailing laws and regulations.	
11.	2206-5/26/QĐ-HĐTV	22/06/2026	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (“VPB”) với các nội dung cơ bản như sau/THAT the credit facility offered by Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank (hereinafter referred to as “VPB”) be approved as follows: a. Tổng số tiền vay đồng Việt Nam: 330.000.000.000 đồng (bằng chữ: ba trăm ba mươi tỷ đồng)/ Credit facility limit in Vietnam	100%

Stt No.	Số Quyết định/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			Dong: VND330,000,000,000 (<i>in words: three hundred and thirty billion dong</i>). b. Mục đích vay: Tài trợ vốn đầu tư kinh doanh Trái phiếu chính phủ/<i>Purpose: To assist in the financing for investment in Government Bonds.</i> c. Thời hạn cho mỗi khoản vay: tối đa 3 tháng/<i>Term of loan: Up to 3 months.</i> d. Thời hạn duy trì hạn mức: tối đa 12 tháng/<i>Facility period: Up to 12 months.</i> e. Biện pháp bảo đảm: không có tài sản bảo đảm/<i>Collateral: Unsecured.</i> Thông qua việc mở 02 tài khoản ngân hàng (i) tài khoản thanh toán nhận nguồn vốn vay từ VPB và thanh toán giao dịch; (ii) tài khoản thanh toán để đáp ứng yêu cầu số dư tiền gửi không kì hạn tại VPB/<i>THAT the opening of 02 bank accounts at VPB (i) one Nostro account for fund drawdown and trade settlement; (ii) one trust/client account for meeting VPB's minimum demand deposit balance requirements be approved.</i> Ủy quyền cho Ông Kim Thiên Quang - Tổng Giám đốc và/hoặc Bà Nguyễn Võ Văn Hà - Giám đốc Tài chính đại diện Công ty phê duyệt và thực hiện các thủ tục để ký kết các văn bản có liên quan bao gồm hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, cam kết trả nợ, hợp đồng thế chấp/cầm cố và các giấy tờ có liên quan khác với VPB phù hợp với các nội dung đã được Hội đồng thành viên thông qua nêu trên và phù hợp với quy định của pháp luật/<i>THAT Mr. Kim Thien Quang, Chief Executive Officer and/or Ms. Nguyen Vo Van Ha, Chief Financial Officer be authorized to implement and sign, on behalf of the Company all the relevant documents including the credit agreement, loan acknowledgement, payment commitment, mortgage/pledge agreement, and other relevant documents deemed necessary and appropriate with VPB, in line with the aforesaid decision and pursuant to the prevailing laws and regulations.</i>	
12.	2206-6/26/QĐ-HĐTV	22/06/2026	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng KEB Hana – Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh (“KEB Hana”) với các nội dung cơ bản như sau/<i>THAT the credit facility offered by KEB Hana Bank – Ho Chi Minh City Branch (hereinafter referred to as “KEB Hana”) be approved as follows:</i> a. Tổng số tiền vay đồng Việt Nam là: 450.000.000.000 đồng (<i>bằng chữ: bốn trăm năm mươi tỷ đồng</i>)/<i>Credit facility limit in Vietnam</i>	100%

Stt No.	Số Quyết định/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			<i>Dong: VND450,000,000,000 (in words: four hundred and fifty billion dong).</i> b. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ các hoạt động được cấp phép/<i>Purpose: To finance working capital for licensed operation of MSVN.</i> c. Thời gian hợp đồng vay sẽ kết thúc vào một trong những ngày sau đây, tùy vào ngày nào đến trước: (i) Một (01) năm kể từ ngày giải ngân; (ii) Năm (05) ngày làm việc trước ngày hết hạn của Thư tín dụng dự phòng/<i>Facility period: Facility period will end on one of the following dates, whichever is earlier: (i) one (01) year from the disbursement date; (ii) five (05) working days prior to the expiry date of the Standby Letter of Credit.</i> d. Biện pháp bảo đảm: bảo lãnh bằng Thư tín dụng dự phòng không có điều kiện và không thể hủy ngang phát hành bởi Ngân hàng Malayan Banking Berhad (Maybank) hoặc một chi nhánh bất kỳ thuộc hệ thống Maybank. Bên Bảo lãnh sẽ phát hành Thư tín dụng dự phòng bằng SWIFT, bảo đảm nghĩa vụ của Bên vay tại KEB Hana với giá trị bảo lãnh bằng 100% hạn mức khoản vay/<i>Collateral: Unconditional and irrevocable Standby Letter of Credit issued by the Guarantor which is Malayan Banking Berhad (Maybank) or any branch of Maybank. Guarantor shall issue Standby Letter of Credit by SWIFT, securing the Borrower's obligations at KEB Hana with the Guaranteed Amount of 100% of total loan amount.</i> Ủy quyền cho Ông Kim Thiên Quang - Tổng Giám đốc và/hoặc Bà Nguyễn Võ Vân Hà - Giám đốc Tài chính đại diện Công ty phê duyệt và thực hiện các thủ tục để ký kết các văn bản có liên quan bao gồm hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, cam kết trả nợ, hợp đồng thế chấp/cầm cố và các giấy tờ có liên quan khác với KEB Hana phù hợp với các nội dung đã được Hội đồng thành viên thông qua nêu trên và phù hợp với quy định của pháp luật/<i>THAT Mr. Kim Thiên Quang, Chief Executive Officer and/or Ms. Nguyen Vo Van Ha, Chief Financial Officer be authorized to implement and sign, on behalf of the Company all the relevant documents including the credit agreement, loan acknowledgement, payment commitment, mortgage/pledge agreement, and other relevant documents deemed necessary and appropriate with KEB Hana, in line with the aforesaid decision and pursuant to the prevailing laws and regulations.</i>	

II. Ban điều hành/*Board of Management*

STT No.	Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ <i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /</i>
1.	Ông/Mr. Kim Thiên Quang	02/06/1983	Thạc sĩ ngành Ngân hàng và Tài chính toàn cầu/ <i>Master Degree in Global Banking and Finance</i>	Tái bổ nhiệm ngày 12/08/2025 <i>Re-appointed on 12 August 2025</i>
2.	Ông/Mr. Vũ Gia Vinh	22/02/1979	Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh/ <i>Master Degree in Business Administration</i>	Bổ nhiệm ngày 24/06/2017/ <i>Appointed on 24 June 2017</i> Miễn nhiệm ngày 01/05/2026/ <i>Stepped down on 01 May 2026</i>
3.	Ông/Mr. Nguyễn Bảo Toàn	26/06/1981	Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh/ <i>Bachelor Degree in Business Administration</i>	Bổ nhiệm ngày 01/04/2021/ <i>Appointed on 01 April 2021</i>
4.	Bà/Ms. Nguyễn Võ Văn Hà	07/01/1984	Thạc sĩ ngành Tài Chính & Ngân Hàng/ <i>Master Degree in Finance & Banking</i>	Bổ nhiệm ngày 02/04/2023/ <i>Appointed on 02 April 2023</i>

III. Kế toán trưởng/*Chief Accountant*

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment/ dismissal</i>
Bà/Ms. Trần Thị Ngọc Hương	28/02/1982	Cử nhân ngành Kế toán/ <i>Bachelor Degree in Accounting</i>	Bổ nhiệm ngày 10/03/2014/ <i>Appointed on 10 March 2014</i>

IV. Đào tạo về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance.*

Không áp dụng cho Công ty TNHH/*not applicable to limited liability company.*

V. Danh sách về người có liên quan của công ty (Báo cáo 6 tháng đầu năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the company (Semi-annual report) and transactions of affiliated persons of the Company

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relationship with the Company
Theo Phụ lục A đính kèm/Refer to the attached Appendix A									

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations)

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons:

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
1	Maybank IBG Holdings Limited	Công ty mẹ/Parent Company	198900204D (cấp ngày 17/01/1989 tại Singapore) No. 198900204D (issued on 17/01/1989 in Singapore)	50 đường North Canal, #03-01 Singapore 059304 50 North Canal Road, #03-01 Singapore 059304			Chi phí lãi vay: 55.864.692.337 đồng Interest expense: VND55,864,692,337	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. * <i>date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholder s/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Not e</i>
2	Maybank IBG Holdings Limited	Công ty mẹ/Parent Company	198900204D (cấp ngày 17/01/1989 tại Singapore) No. 198900204D (issued on 17/01/1989 in Singapore)	50 đường North Canal, #03- 01 Singapore 059304 50 North Canal Road, #03-01 Singapore 059304			Vay trong kỳ: 2.153.300.630.000 đồng <i>Borrowings During the Period: VND2,153,300,630,000</i>	
3	Maybank IBG Holdings Limited	Công ty mẹ/Parent Company	198900204D (cấp ngày 17/01/1989 tại Singapore) No. 198900204D (issued on 17/01/1989 in Singapore)	50 đường North Canal, #03- 01 Singapore 059304 50 North Canal Road, #03-01 Singapore 059304			Trả trong kỳ: 2.639.461.450.000 đồng <i>Repayments during the period: VND2,639,461,450,000</i>	
4	Maybank Securities Pte. Ltd.	Tổ chức cùng chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ / Entity under same control of Parent Company	197201256N (cấp ngày 15/09/1972 tại Singapore) 197201256N (issued on 15/09/1972 in Singapore)	50 đường North Canal, #03- 01 Singapore 059304 50 North Canal Road, #03-01 Singapore 059304			Phí hoa hồng, môi giới, thông tin: 9.910.800.140 đồng <i>Commission, brokerage and information service fees: VND9,910,800,140</i>	
5	Maybank Securities (Thailand) Public	Tổ chức cùng chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ / Entity	0107545000314 (cấp ngày 17/10/2002 tại Thái Lan)	999/9 The Offices of Central World, Lầu 20-21,			Phí hoa hồng: 98.191.971 đồng <i>Commission fees: VND98,191,971</i>	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No.* <i>date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholder s/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Not e</i>
	Company Limited	<i>under same control of Parent Company</i>	0107545000314 (issued on 17/10/2002 in Thailand)	đường Ramal, Pathumwan subdistrict, quận Pathumwan, Bangkok 10330 999/9 The Offices of Central World, 20- 21 Fl., Ramal Road, Pathumwan subdistrict, Pathumwan district, Bangkok 10330				
6	Malayan Banking Berhad	Tổ chức kiểm soát cao nhất / <i>Ultimate shareholder</i>	196001000142 (cấp ngày 31/05/1960 tại Malaysia) No. 196001000142 (issued on 31/05/1960 in Malaysia)	Lầu 70 Tòa nhà Merdeka Maybank, Presint Merdeka 118, 50118 Kuala Lumpur Level 70, Menara Merdeka Maybank, Presint Merdeka 118, 50118 Kuala Lumpur			Lãi tiền gửi, phí ngân hàng: 4.177.222.418 đồng <i>Deposit interest income, bank charges fees: VND4,177,222,418</i>	

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: không có/none

Stt No	Người thực hiện giao dịch Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ Relationship with internal persons	Chức vụ tại CTNY Position at the listed Company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ Address	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát Name of subsidiaries or companies which the Company control	Thời điểm giao dịch Time of transaction	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/Transactions between the Company and other objects: không có/none

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng đầu năm)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report):

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
Theo Phụ lục B đính kèm/Refer to the attached Appendix B								

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company*: không áp dụng cho công ty TNHH/*not applicable to limited liability company*

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i>
			<i>Số cổ phiếu Number of shares</i>	<i>Tỷ lệ Percentage</i>	<i>Số cổ phiếu Number of shares</i>	<i>Tỷ lệ Percentage</i>	

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues: không có/*none*

Nơi nhận:

Recipients:

- Như trên/as above

- Lưu/Filed: Công ty/Company

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHAIRMAN OF THE BOARD OF MEMBERS
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(Sign, full name and seal)
TRÁCH MIỆM HUYỀN
CHỨNG KHOÁN
MAYBANK
P. XUAN HOA - T.P HO CHI MINH

PHILIP TAN PUAY KOON